TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 -9-2021
V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Bà Hoàng Thị Lan.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Mai Văn K; sinh năm 1975; địa chỉ nơi cư trú: Khu phố 5, phường A, thành phố B, tỉnh Kiên Giang; "vắng mặt".

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị D; sinh năm 1976; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Xóm 4, xã C, huyện E, tỉnh Nam Định; địa chỉ hiện tại: Xóm 1, xã C, huyện E, tỉnh Nam Định, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự lời khai, nguyên đơn anh Mai Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, đã được UBND xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tình cảm với nhau nữa, đã có nhiều giải pháp tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không thành và đã sống ly thân trong nhiều năm nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị D, không còn cơ hội

hàn gắn hạnh phúc nên anh xin ly hôn chị Trần Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Mai Thị Chung H, sinh ngày 06- 10- 1993; Mai Thuý N, sinh ngày 04- 4- 1996 và Mai Tuấn A, sinh ngày 25- 11- 2006. Con chung Mai Thị Chung H và Mai Thuý N đã trưởng thành. Khi ly hôn anh nhận nuôi cháu Mai Tuấn A. Cháu A hiện đang ở cùng anh, anh không đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh không đề nghị giải quyết.

Ý kiến của chị Trần Thị D tại Đơn đề nghị ngày 31- 8- 2021: Khi nào giải quyết tồn tại về tài sản giữa chị và anh Mai Văn K xong thì chị mới hợp tác để giải quyết ly hôn. Chị chưa có đơn đề nghị chia tài sản gửi Tòa án và không có quan điểm cụ thể về các các tình tiết do nguyên đơn đưa ra.

Ngoài ra, Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D, nhưng chị D không trực tiếp đến Tòa án làm việc, không xuất trình tài liệu chứng cứ, không tham phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã C, huyện Giao Thủy; Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, con chung như anh Mai Văn K trình bày là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa anh Mai Văn K và chị Trần Thị D. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Mai Tuấn A, sinh ngày 25- 11- 2006 cho anh Mai Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Kiên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Mai Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có cơ sở.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn K và chị Trần Thị D kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của anh Kiên và chị D không có hạnh phúc, đã sống ly thân trong thời gian dài, chị D không đến Tòa án để làm việc, không tham gia hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh Mai Văn K và chị Trần Thị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly

hôn của anh Mai Văn K và chị Trần Thị D, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Xác định vợ chồng anh Mai Văn K và chị Trần Thị D có 01 con chung chưa thành niên là Mai Tuấn A, sinh ngày 25- 11- 2006. Căn cứ vào nguyện vọng của con, điều kiện và nguyện vọng nuôi con và quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; đủ cơ sở giao cho anh Mai Văn K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con Mai Tuấn A; ghi nhận sự tự nguyện của anh Mai Văn K không yêu cầu chị Trần Thị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn anh Mai Văn K yêu cầu giải quyết về tài sản. Trước thời điểm Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không giải quyết việc chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án này. Yêu cầu chia tài sản như Đơn đề nghị ngày 31- 8- 2021 của chị Trần Thị D sẽ được xem xét khi chị D có Đơn khởi kiện theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Mai Văn K là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa anh Mai Văn K và chị Trần Thị D.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho anh Mai Văn K trực tiếp nuôi con Mai Tuấn A, sinh ngày 25- 11- 2006; ghi nhận sự tự nguyện của anh Mai Văn K không yêu cầu chị Trần Thị D cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Anh Mai Văn K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004025 ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Anh Mai Văn K đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã C: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

Vũ Ngọc Duyên